TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/8/2018
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Trường Lâm**
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông **Phan Văn Chiếu**
Bà **Dương Thị Tú Phương**
Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Chi** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.
Ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2018/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 về việc việc ***"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018, giữa:
- *Nguyên đơn*: Chị **Hồ Hồng N** – sinh năm 1984
Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.
- *Bị đơn*: Anh **Trương T –** sinh năm 1983
Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.
Chị N có mặt. Anh T có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/4/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hồ Hồng N trình bày:
Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh Trương T tổ chức đám cưới vào ngày 23-24 tháng 11 năm 2004 âm lịch, đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 31/12/2004 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Sau ngày cưới, anh T không chăm lo cho cuộc sống vợ con, thường xuyên ăn nhậu bê tha, không làm tròn trách nhiệm người chồng, người cha trong gia đình. Do đời sống chung

không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị N và anh T đã ly thân với nhau từ tháng 02/2018 âm lịch đến nay. Tại phiên tòa, chị N kiên quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: chị N và anh T có 02 con chung là cháu Trương Đăng K, sinh ngày xx/xx/2006 và cháu Trương Ái M, sinh ngày yy/yy/2013, hiện chị N đang nuôi dưỡng cả hai con chung. Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: chị N xác định thời gian chung sống giữa chị và anh T không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Trương T đã được thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên họp và hòa giải. Anh T không có mặt theo giấy triệu tập nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T đối với yêu cầu của chị N.

Tại phiên tòa: anh T có mặt và không đồng ý ly hôn với chị N; anh T thừa nhận có những khuyết điểm như lời trình bày của chị N, anh yêu cầu được hàn gắn nhưng không đưa ra biện pháp nào để hàn gắn quan hệ hôn nhân.

Về con chung: anh T thừa nhận có 02 con chung như chị N trình bày, xác định trường hợp ly hôn thì anh đồng ý để chị N nuôi cả 02 con. Hiện tại chị N là người nuôi con chung. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Trương Đăng K, sinh ngày xx/xx/2006 và cháu Trương Ái M, sinh ngày yy/yy/2013, mỗi cháu 1.000.000đ/tháng kể từ ngày tuyên án cho đến ngày các cháu tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: anh T thống nhất với chị N là không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: chị N và anh T được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán địa phương và đã đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp. Chị N xác định trong thời gian chung sống do anh T không chăm lo cho cuộc sống vợ con, thường xuyên ăn nhậu bê tha, không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha. Chị N và anh T ly thân từ tháng 02/2018 âm lịch đến nay. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra biện pháp hàn gắn, chị N kiên quyết ly hôn. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cho chị N được ly hôn với anh T.

Về con chung: chị N và anh T có hai con chung là cháu Trương Đăng K, sinh ngày xx/xx/2006 và cháu Trương Ái M, sinh ngày yy/yy/2013, hiện chị N đang nuôi dưỡng cả hai con chung. Khi ly hôn, chị N yêu cầu nuôi 02 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất giao 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng, cháu K có nguyện vọng sống cùng chị N. Vì vậy, giao 02 con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000đ/cháu/tháng đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của anh T. Về tài sản chung do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chị N yêu cầu ly hôn và anh T có địa chỉ thường trú tại huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hội đồng xét xử xét thấy, chị N và anh T tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 31/12/2004. Do đó, hôn nhân giữa chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị N xác định do anh T không quan tâm đến gia đình, không làm tròn trách nhiệm của người chồng và người cha trong khoảng thời gian dài. Lời trình bày của chị N là phù hợp với biên bản xác minh ngày 03/8/2018 về việc xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T. Tại phiên tòa, anh T thừa nhận những khuyết điểm như lời trình bày của chị N, anh mong muốn hàn gắn nhưng không đưa ra được biện pháp hàn gắn quan hệ hôn nhân. Chị N kiên quyết ly hôn với anh T. Xét thấy hôn nhân cần dựa trên sự quan tâm, chia sẽ giữa hai người; Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng anh T đã vi phạm về tình nghĩa vợ chồng, từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, các bên không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị N ly hôn với anh T.

[3] *Về con chung*: khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi hai con chung là cháu Trương Đăng K, sinh ngày xx/xx/2006 và cháu Trương Ái M, sinh ngày yy/yy/2013, hiện tại chị N là người trực tiếp nuôi con. Tại phiên tòa, anh T đồng ý giao 02 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự về người nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu Trương Đăng K nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] *Xét yêu cầu cấp dưỡng*: chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung sau khi ly hôn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung với mức 1.000.000đ/tháng/cháu kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến ngày các cháu tròn 18 tuổi. Xét thấy đây là sự tự nguyện của anh T phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trương Đăng K, sinh ngày xx/xx/2006 và cháu Trương Ái M, sinh ngày

yy/yy/2013 với mức mỗi cháu 1.000.000đ/tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến ngày các cháu tròn 18 tuổi.

[5] *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[7] *Về án phí:* Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình chị N phải nộp 300.000đ, chị N đã dự nộp 300.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011647 ngày 16/4/2018 được chuyển thu án phí. Án phí cấp dưỡng buộc anh T chịu 300.000đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 51, 56; 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Hồ Hồng N được ly hôn với anh Trương T.

2. Về quan hệ con chung: giao cho chị Hồ Hồng N được tiếp tục nuôi hai con chung là cháu Trương Đăng K, sinh ngày xx/xx/2006 và cháu Trương Ái M, sinh ngày yy/yy/2013. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: buộc anh T cấp dưỡng nuôi cháu Trương Đăng K, sinh ngày xx/xx/2006 và cháu Trương Ái M, sinh ngày yy/yy/2013 với mức mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi cháu K và cháu M tròn 18 tuổi.

4. Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình chị N phải nộp 300.000đ, chị N đã dự nộp 300.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011647 ngày 16/4/20178 được chuyển thu án phí. Án phí cấp dưỡng buộc anh T chịu 300.000đ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có

lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- UBND TT. P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lư Trường Lâm